

# Tác động của xuất khẩu đến năng suất lao động trong doanh nghiệp\*

VŨ THỊ THƯ THƯ

*Nghiên cứu này sử dụng phương pháp ghép cặp xác suất (PSM) để đánh giá tác động của hoạt động xuất khẩu đến năng suất lao động của doanh nghiệp và lý giải tại sao doanh nghiệp xuất khẩu thường có năng suất lao động cao hơn so với những doanh nghiệp không xuất khẩu. Phân tích năng suất của doanh nghiệp trước khi bắt đầu tham gia xuất khẩu cho thấy, những doanh nghiệp xuất khẩu có năng suất lao động trên mỗi doanh nghiệp cao hơn doanh nghiệp không xuất khẩu cả trước và sau khi doanh nghiệp bắt đầu xuất khẩu. Sự vượt trội này xuất phát từ hai nguyên nhân: thứ nhất là các doanh nghiệp đã tự định hướng vào thị trường xuất khẩu và thứ hai là tác động học hỏi khi doanh nghiệp tham gia xuất khẩu. Tác động học hỏi từ việc tham gia xuất khẩu hàng hóa có thể giúp doanh nghiệp tăng năng suất lao động so với việc không xuất khẩu.*

**Từ khóa:** ghép cặp xác suất, doanh nghiệp, hội nhập thương mại, xuất khẩu, năng suất, năng suất lao động.

## 1. Tổng quan nghiên cứu

### • Các yếu tố tác động đến năng suất lao động

Năng suất lao động của doanh nghiệp chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Bên cạnh yếu tố vốn và lao động thì năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) là một cấu phần quan trọng của năng suất lao động. Nghiên cứu của UNIDO (Isaksson, 2007) cho thấy năng suất các nhân tố tổng hợp phụ thuộc vào bốn nhóm yếu tố: (1) sự sáng tạo, truyền tải và tiếp thu kiến thức; (2) các yếu tố đầu vào và hiệu quả phân bổ; (3) thể chế, hội nhập và địa lý; (4) sự cạnh tranh. Trong đó, hội nhập là một nhân tố quan trọng nhưng chưa được đưa vào trong các nghiên cứu về năng suất lao động tại Việt Nam.

Nghiên cứu của Nguyen Thang và La Hai Anh (2014) chỉ ra một số nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao động của Việt Nam bao gồm: tỷ lệ vốn trên lao động, quy mô doanh nghiệp (bao gồm quy mô lao động và quy mô vốn), yếu tố ngành nghề, loại hình sở hữu, vị trí địa lý, hoạt động xuất nhập khẩu, hoạt động nghiên cứu và phát triển, năng lực quản lý của doanh nghiệp (bao gồm tuổi và trình độ của người đứng đầu doanh nghiệp).

Báo cáo Năng suất và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam (2019) đã phân tích các yếu tố quyết định năng suất lao động ở cấp doanh nghiệp. Với giả định thành phần chính “hiệu ứng nội ngành” tăng, nghiên cứu này đã phân chia các yếu tố tác động đến năng suất lao động thành hai nhóm: nhóm thứ nhất là các yếu tố liên quan đến người lao động gồm: tỷ lệ lao động nước ngoài, trình độ học vấn, tuổi của người lao động; nhóm thứ hai là các yếu tố liên quan đến doanh nghiệp gồm cường độ vốn trên lao động, quy mô doanh nghiệp, năng lực quản lý của doanh nghiệp, công nghệ số hóa, tham gia vào các hoạt động xuất nhập khẩu, mức độ phức tạp về công nghệ trong công nghiệp chế tạo và cường độ sử dụng tri thức trong dịch vụ, loại hình sở hữu của doanh nghiệp, đặc điểm địa lý và mức độ tập trung về địa lý của các doanh nghiệp.

Martins và cộng sự (2009) đã tiến hành phân tích tổng hợp hơn 30 bài báo nghiên cứu

---

Vũ Thị Thư Thư, ThS., Trung tâm Phân tích và dự báo.

\* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp bộ: “Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới”, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và năng suất doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu với những mô hình kỹ thuật khác nhau và với trọng số khác nhau cho mỗi quan sát cho thấy, tác động của xuất khẩu lên năng suất lao động tại các nước đang phát triển thì cao hơn so với các nước phát triển. Tác động của xuất khẩu có xu hướng cao hơn trong năm đầu tiên mà doanh nghiệp bắt đầu xuất khẩu (so với các năm sau đó).

### • *Sự tự lựa chọn vào thị trường xuất khẩu*

Những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng có một quá trình tự lựa chọn vào thị trường xuất khẩu khi mà chỉ những công ty có năng suất cao hơn mới có thể xuất khẩu. Alvarez và cộng sự (2005) đưa ra ba giả thích cho việc các nhà xuất khẩu có năng suất cao hơn hẳn các nhà không xuất khẩu là: sự tự lựa chọn (self selection); học bằng cách xuất khẩu (learning - by - exporting); tự lựa chọn một cách có ý thức (conscious self - selection). Các tác giả kiểm tra 3 giả thuyết này bằng cách sử dụng dữ liệu cấp nhà máy từ Chile. Phát hiện đầu tiên là các nhà máy thâm nhập thị trường quốc tế có hiệu suất ban đầu vượt trội so với các nhà không xuất khẩu, điều này phù hợp với sự tự lựa chọn. Tiếp theo, các tác giả quan sát thấy sự gia tăng năng suất sau khi các nhà máy bắt đầu xuất khẩu, điều này phù hợp với tác động học hỏi bằng cách xuất khẩu. Các tác giả cũng tìm thấy bằng chứng mạnh mẽ ủng hộ ý tưởng rằng tự lựa chọn là một quá trình có ý thức, theo đó các nhà máy tăng năng suất với mục đích trở thành nhà xuất khẩu.

López R. (2004) sử dụng dữ liệu cấp nhà máy từ khu vực sản xuất của Chile để chỉ ra rằng, sự tự lựa chọn để xuất khẩu có thể là một quá trình có ý thức trong đó các công ty tăng năng suất với mục đích rõ ràng là trở thành nhà xuất khẩu. Ý tưởng này được đưa ra dựa trên quan sát việc xuất khẩu của các nước đang phát triển với những hàng hóa được xuất khẩu là hàng hóa có chất lượng

cao thường không có cầu ở thị trường nội địa. Do đó, lợi nhuận cao hơn có sẵn trên thị trường quốc tế có thể khiến các công ty ở các nước đang phát triển giới thiệu các công nghệ mới với mục đích sản xuất hàng hóa chất lượng cao, giúp tăng năng suất. Tác giả cũng chỉ ra rằng, các công ty đang chuyển đổi từ thị trường trong nước sang thị trường nước ngoài không chỉ tăng năng suất, mà còn tăng cả mức đầu tư của họ so với những công ty không xuất khẩu. Tuy nhiên, doanh số của họ ở thị trường nội địa vẫn không thay đổi, điều này cho thấy các khoản đầu tư này đã được thực hiện với thị trường quốc tế. Cuối cùng, các tác giả chỉ ra rằng, các biến ảnh hưởng đến quyết định xuất khẩu nhưng ngoại sinh đối với công ty ảnh hưởng tích cực đến năng suất của các công ty này. Tất cả những phát hiện này ủng hộ ý tưởng rằng, triển vọng xuất khẩu có thể ảnh hưởng đến quyết định tăng năng suất.

### • *Tác động học hỏi của việc xuất khẩu*

Tác động học hỏi từ xuất khẩu cũng được chỉ ra trong nhiều nghiên cứu trên thế giới. Clerides và cộng sự (1998) phân tích mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và năng suất bằng cách sử dụng dữ liệu mảng ở cấp độ ngành từ ba nước bán công nghiệp. Các tác giả tìm thấy bằng chứng rằng, những doanh nghiệp có hiệu quả cao hơn tham gia vào thị trường xuất khẩu, nhưng các chi phí của công ty không bị ảnh hưởng bởi sự tham gia thị trường xuất khẩu trước đó. Do đó khoảng cách giữa các doanh nghiệp xuất khẩu và không xuất khẩu là do sự tự lựa chọn của các công ty hiệu quả hơn vào thị trường xuất khẩu, chứ không phải do hiệu ứng học hỏi sau khi xuất khẩu. Tác giả cũng tìm thấy bằng chứng rằng, các nhà xuất khẩu giúp giảm chi phí tham gia thị trường xuất khẩu đối với những doanh nghiệp có định hướng sản xuất trong nước nhưng cũng không giúp cho các doanh nghiệp này trở nên hiệu quả hơn. Trong nghiên cứu của Bigsten và cộng sự (2009), xem xét mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và năng

suất bằng cách sử dụng dữ liệu mảng cho các doanh nghiệp sản xuất ở Ê-ti-ô-pia. Đo lường năng suất được sử dụng trong đánh giá này gồm năng suất tổng hợp và các thước đo năng suất khác của các nhóm doanh nghiệp được phân loại theo lịch sử xuất khẩu của họ. Các tác giả đã kiểm tra tác động học hỏi của xuất khẩu sử dụng phương pháp tiếp cận trực tiếp đưa trạng thái xuất khẩu vào hàm sản xuất. Tác giả đã tìm thấy bằng chứng có ý nghĩa về cả tác động tự lựa chọn và tác động học hỏi của xuất khẩu. Tùy thuộc vào từng đặc điểm kỹ thuật của mô hình áp dụng, xuất khẩu có thể làm dịch chuyển hàm sản xuất lên từ 15 đến 26%. Ngoài ra, trung bình các nhà xuất khẩu có số lao động cao hơn 3 lần, và trả lương trung bình cao hơn 1,6 lần doanh nghiệp không xuất khẩu.

*Tóm lại*, trên thế giới đã có một số nghiên cứu về ảnh hưởng của xuất khẩu đến năng suất lao động và chỉ ra được nguyên nhân của sự ảnh hưởng này là do việc tự lựa chọn của doanh nghiệp và tác động học hỏi khi tham gia xuất khẩu. Tuy nhiên, các nghiên cứu tại Việt Nam về yếu tố quyết định năng suất lao động mới chỉ ra được một cách chung chung về mối liên hệ giữa xuất khẩu và năng suất lao động, chứ chưa xác định được tác động nhân quả của xuất khẩu lên năng suất lao động. Ngoài ra, cũng chưa có nghiên cứu nào lý giải nguyên nhân của tác động này. Do đó, nghiên cứu này sẽ đánh giá tác động của hoạt động thương mại – cụ thể là việc xuất khẩu của doanh nghiệp – đến năng suất lao động của doanh nghiệp trong trường hợp của Việt Nam và tìm cách lý giải tại sao doanh nghiệp xuất khẩu thường có năng suất lao động cao hơn so với những doanh nghiệp không xuất khẩu. Liệu kết quả này là do những doanh nghiệp có năng suất cao hơn đã tự định hướng vào thị trường xuất khẩu hay là do những tiêu chuẩn cao khi xuất khẩu đòi hỏi doanh nghiệp phải học hỏi để tăng năng suất của mình?

## 2. Số liệu và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Số liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng bộ số liệu về tổng điều tra doanh nghiệp của Việt Nam từ năm 2013 đến 2017. Bộ số liệu này điều tra tình hình hoạt động của các doanh nghiệp chính thức và được thực hiện hàng năm kể từ năm 2000. Số liệu được thu thập trong cuộc khảo sát này bao gồm các thông tin quan trọng liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như loại hình doanh nghiệp; ngành kinh doanh, số lượng lao động và các khoản trả cho người lao động, doanh thu và lợi nhuận, tài sản và nguồn vốn, các khoản nộp cho Nhà nước.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sẽ sử dụng phương pháp đánh giá tác động với kỹ thuật ghép cặp xác suất (PSM - Propensity score matching). Xuất phát từ mô hình của Clerides và cộng sự (1996) đánh giá tác động học hỏi (learning effects) của xuất khẩu, bằng cách ước lượng năng suất dựa trên lịch sử xuất khẩu của doanh nghiệp.

$$w_{it} = \psi \text{Export}_{it-1} + \phi \text{Controls} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Trong đó:

$w_{it}$ : năng suất của doanh nghiệp trong năm  $t$ ,  $\text{Export}_{it-1}$ : biến giả về việc xuất khẩu của doanh nghiệp trong năm  $t-1$ ,  $\text{Controls}$ : véc tơ các đặc điểm của doanh nghiệp,  $\varepsilon_{it}$ : số hạng sai số - error term.

Lý giải đằng sau mô hình này là do các doanh nghiệp không đồng nhất trong năng suất, nếu các công ty học hỏi từ thị trường nước ngoài, sự tham gia xuất khẩu trước đó của công ty sẽ làm tăng năng suất hiện tại của họ. Do đó, hệ số  $\psi$  dương và có ý nghĩa thống kê sẽ cho thấy sự hiện diện của tác động học hỏi (learning effects).

Thông thường, các nghiên cứu thực nghiệm ước tính hiệu quả của năng suất các yếu tố tổng hợp khi có tác động của xuất khẩu phần lớn theo một quy trình hai bước (Wassie, 2018). Đầu tiên, họ ước tính năng

suất từ một hàm sản xuất, sau đó hồi quy năng suất ước lượng được từ bước đầu tiên với tình trạng xuất khẩu trước đó. Điểm hạn chế của quy trình này là nếu các doanh nghiệp đưa ra quyết định xuất khẩu và lựa chọn các yếu tố đầu vào đồng thời, việc bỏ qua trạng thái xuất khẩu trong mô hình ước lượng hàm sản xuất đầu tiên có thể dẫn đến sai số trong hệ số của đầu vào trong mô hình ban đầu và ảnh hưởng đến kết quả ước lượng tác động của xuất khẩu đến năng suất. Để giải quyết vấn đề này, nghiên cứu này tuân theo chiến lược của Van Biesebroeck (2005), trong đó tình trạng xuất khẩu được tích hợp trong hàm sản xuất, do đó trạng thái xuất khẩu và đầu vào sẽ được ước lượng đồng thời. Bằng cách đưa trạng thái xuất khẩu vào hàm sản xuất và giả định rằng năng suất phát triển theo quy trình tự hồi quy bước đầu tiên (a first order autoregressive), chúng ta có được hàm sản xuất như sau:

$$q_{it} = \alpha q_{it-1} + \sum \beta x_{it} + \psi \text{export}_{it-1} + \gamma_t + \psi_i + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

Trong đó:  $q_{it}$  và  $q_{it-1}$ : log của tổng đầu ra của doanh nghiệp trong thời gian  $t$  và  $t-1$ ,  $x_{it}$ : vectơ các đặc điểm của doanh nghiệp bao gồm: lao động, vốn, giá vốn hàng bán,  $S_{it}$ : kiểm soát đặc điểm ngành,  $\gamma_t$ : kiểm soát hệ số cố định cho năm,  $\psi_i$ : những đặc điểm không quan sát được của doanh nghiệp,  $\varepsilon_{it}$ : số hạng sai số - error term.

Tuy nhiên, mô hình này có thể có vấn đề với mối quan hệ nhân quả, do các công ty có năng suất cao hơn tự lựa chọn để xuất khẩu. Sự hiện diện của việc tự lựa chọn vào xuất khẩu làm cho việc xác định hiệu quả của xuất khẩu bằng cách so sánh năng suất của các nhà xuất khẩu sau khi bắt đầu xuất khẩu và những doanh nghiệp không xuất khẩu sẽ gặp phải khó khăn. Điều này là do các nhà xuất khẩu và không xuất khẩu khác nhau ngay cả khi không xuất khẩu và chúng ta không thể quan sát các công ty xuất khẩu

sẽ có năng suất như thế nào nếu họ không xuất khẩu. Do đó, phương pháp ghép cặp xác suất PSM sẽ được sử dụng để giải quyết vấn đề này. Ý tưởng cơ bản của kỹ thuật PSM là tìm những doanh nghiệp không tham gia (không xuất khẩu) nhưng có đặc điểm tương tự với những doanh nghiệp tham gia (có xuất khẩu) dựa trên tất cả những đặc điểm có thể quan sát được. Phương pháp này sẽ cho phép việc ước lượng tác động của xuất khẩu lên năng suất không bị chệch, do những đặc điểm khác nhau có thể quan sát được giữa doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp không xuất khẩu đã được kiểm soát. Theo Girma và cộng sự (2004), nghiên cứu này sẽ sử dụng kỹ thuật ghép cặp dựa trên tính điểm xác suất (propensity score) để xác định nhóm những doanh nghiệp có đặc điểm gần nhất với doanh nghiệp xuất khẩu. Phương pháp này được thực hiện qua các bước như sau:

- Bước 1: xây dựng hàm hồi quy xác suất một doanh nghiệp sẽ xuất khẩu dựa trên những đặc điểm quan sát được của doanh nghiệp.
- Bước 2: ước lượng xác suất xuất khẩu của doanh nghiệp.
- Bước 3: sử dụng phương pháp hàng xóm gần nhất (nearest -neighbourhood) xác định những doanh nghiệp kiểm soát - nhóm doanh nghiệp không xuất khẩu nhưng có đặc điểm gần nhất với những doanh nghiệp xuất khẩu.
- Bước 4: hồi quy mô hình 2 sử dụng mẫu đã ghép cặp để xác định tác động học hỏi.

### 3. Một số đặc điểm về hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam

#### 3.1. Đặc điểm của doanh nghiệp xuất khẩu

*Phân bố của các doanh nghiệp xuất khẩu theo khu vực địa lý*

Báo cáo tổng kim ngạch xuất khẩu theo từng tỉnh của Tổng cục Hải quan cho thấy, tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm

## Tác động của xuất khẩu ...

2017 đạt 213.7 tỷ USD. Trong đó, những tỉnh, thành phố có kim ngạch xuất khẩu cao nhất nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ như Bắc Ninh, Hà Nội, Thái Nguyên, Bình Dương, Đồng Nai, Hồ Chí Minh. Đây cũng là những tỉnh, thành phố tập trung số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cao nhất và thu hút số lượng lao động đang làm việc đông nhất.

### *Đặc điểm về loại hình sở hữu của các doanh nghiệp xuất khẩu*

Trong tổng số hơn 573 nghìn doanh nghiệp năm 2017, chỉ có hơn 20 nghìn doanh nghiệp báo cáo có hoạt động mua, bán với đối tác nước ngoài; trong đó, hơn 13 nghìn doanh nghiệp ghi nhận giá trị xuất khẩu dương, chiếm 2,3% tổng số lượng

doanh nghiệp. Mặc dù chỉ chiếm 2,8% số lượng doanh nghiệp của cả nước, những doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc có sở hữu của nước ngoài chiếm đến 53,7% tổng số lượng doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu – tương ứng với hơn 44% doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động xuất khẩu. Có 303 trong tổng số 2.435 doanh nghiệp nhà nước có hoạt động xuất khẩu tương ứng với 12%. Nhóm các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa trên 50% xuất khẩu ít nhất. Tuy vậy, với số lượng đông đảo chiếm đến 96,7% tổng số doanh nghiệp trong cả nước, nhóm doanh nghiệp này cũng đóng góp 44% số lượng doanh nghiệp tham gia vào thị trường xuất khẩu.

**BẢNG 1: Đặc điểm loại hình sở hữu của các doanh nghiệp xuất khẩu**

Loại hình doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp		Doanh nghiệp có xuất/nhập khẩu		Doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu > 0		
	Số lượng (1)	Tỷ lệ % (2)	Số lượng (3)	Tỷ lệ % (4)	Số lượng (5)	Tỷ lệ % (6)	Tỷ lệ doanh nghiệp xuất khẩu trong cùng loại hình doanh nghiệp % (7)
Nhà nước	2.435	0,4	441	2,2	303	2,3	12,4
Sở hữu nhà nước < 50%	385.534	67,2	6.969	34,2	3.877	29,2	1,0
100% nước ngoài	14.005	2,4	8.134	40,0	6.394	48,2	45,7
Sở hữu nước ngoài < 100%	2.162	0,4	1.010	5,0	734	5,5	34,0
Tư nhân	169.240	29,5	3.804	18,7	1.966	14,8	1,2
Tổng số	573.376	100,0	20.358	100,0	13.274	100,0	2,3

*Nguồn:* Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.

### *Đặc điểm về ngành kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu*

Bảng 2 trình bày thống kê số lượng doanh nghiệp xuất khẩu theo ngành kinh tế. Ngành chế biến chế tạo nói chung là ngành có tỷ lệ doanh nghiệp trong ngành xuất khẩu cao nhất với lần lượt là 26,9%, 7,8% và 11,1% với trình độ công nghệ cao, trung bình, thấp. Thống kê cho thấy ngành công nghiệp chế biến chế tạo sử dụng công nghệ thấp và công nghệ trung bình chiếm số lượng đông nhất trong số các doanh nghiệp xuất khẩu. Tuy nhiên,

ngành có tỷ lệ doanh nghiệp xuất khẩu trong ngành cao nhất là ngành công nghiệp chế biến chế tạo sử dụng công nghệ cao mới là với 26,9% doanh nghiệp trong ngành có hoạt động xuất khẩu. Ngành dịch vụ ít thâm dụng tri thức là ngành có số lượng doanh nghiệp cao nhất trong toàn nền kinh tế, nhưng số lượng doanh nghiệp có xuất khẩu trong ngành này chỉ chiếm 0,9%. Những ngành có tỷ lệ doanh nghiệp trong ngành xuất khẩu thấp nhất là ngành nông nghiệp, sản xuất điện và xây dựng.

## Tác động của xuất khẩu ...

**BẢNG 2: Đặc điểm ngành kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu**

Loại hình doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp		Doanh nghiệp có xuất/nhập khẩu		Doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu > 0		
	Số lượng (1)	Tỷ lệ % (2)	Số lượng (3)	Tỷ lệ % (4)	Số lượng (5)	Tỷ lệ % (6)	Tỷ lệ doanh nghiệp xuất khẩu trong ngành % (7)
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	12.086	2,1	113	0,6	66	0,5	0,5
Khai khoáng	3.116	0,5	61	0,3	43	0,3	1,4
Công nghiệp chế biến, chế tạo sử dụng công nghệ cao	2.273	0,4	830	4,1	612	4,6	26,9
Công nghiệp chế biến, chế tạo sử dụng công nghệ trung bình	39.095	6,8	4.365	21,4	3.056	23,0	7,8
Công nghiệp chế biến, chế tạo sử dụng công nghệ thấp	43.903	7,7	5.561	27,3	4.856	36,6	11,1
Sản xuất điện	4.154	0,7	69	0,3	19	0,1	0,5
Xây dựng	74.100	12,9	601	3,0	195	1,5	0,3
Ngành dịch vụ thâm dụng tri thức cao	83.565	14,6	2.252	11,1	1.751	13,2	2,1
Ngành dịch vụ ít thâm dụng tri thức	311.084	54,3	6.506	32,0	2.676	20,2	0,9
<b>Tổng số</b>	<b>573.376</b>	<b>100,0</b>	<b>20.358</b>	<b>100,0</b>	<b>13.274</b>	<b>100,0</b>	<b>2,3</b>

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.*

### *Đặc điểm về quy mô của các doanh nghiệp xuất khẩu*

So với đặc điểm về chủ sở hữu và ngành kinh doanh thì đặc điểm về quy mô lao động của các doanh nghiệp có vẻ đồng đều hơn; hay nói cách khác, tỷ lệ doanh nghiệp có xuất khẩu không quá chênh lệch giữa các nhóm doanh nghiệp có quy mô lao động khác nhau (cột 4, cột 6 trong bảng 3). Khi

xét đến tỷ lệ doanh nghiệp có xuất khẩu trong cùng quy mô thì có sự chênh lệch đáng kể. Cột 7 trong bảng 3 cho thấy, các doanh nghiệp có quy mô về lao động càng lớn thì có xác suất xuất khẩu càng cao, với trên 63% doanh nghiệp có trên 1.000 lao động có hoạt động xuất khẩu so với con số 0,3% của nhóm doanh nghiệp có dưới 5 lao động.

**BẢNG 3: Đặc điểm quy mô của các doanh nghiệp xuất khẩu**

Loại hình doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp		Doanh nghiệp có xuất/nhập khẩu		Doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu > 0		
	Số lượng (1)	Tỷ lệ % (2)	Số lượng (3)	Tỷ lệ % (4)	Số lượng (5)	Tỷ lệ % (6)	Tỷ lệ doanh nghiệp xuất khẩu trong cùng quy mô % (7)
1-4 lao động	264.227	48,1	1.482	7,3	680	5,1	0,3
5-9 lao động	132.993	24,2	1.744	8,6	849	6,4	0,6
10-24 lao động	87.742	16,0	3.076	15,2	1.613	12,2	1,8
25-49 lao động	30.803	5,6	2.751	13,6	1.639	12,4	5,3
50-99 lao động	15.848	2,9	3.338	16,5	2.177	16,5	13,7
100-299 lao động	11.947	2,2	4.297	21,2	3.201	21,2	26,8
300-999 lao động	4.593	0,8	2.419	12,0	2.021	15,3	44,0
1000 lao động trở lên	1.631	0,3	1.131	5,6	1.029	7,8	63,1
<b>Tổng số</b>	<b>549.784</b>	<b>100</b>	<b>20.238</b>	<b>100</b>	<b>13.209</b>	<b>100</b>	<b>2,4</b>

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.*

**3.2. Sự khác nhau giữa doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp không xuất khẩu**

Bảng 4 trình bày các so sánh về quy mô lao động, năng suất lao động và tỷ lệ trang bị vốn trên mỗi lao động của hai nhóm: (1) những doanh nghiệp không có hoạt động xuất/nhập khẩu hoặc báo cáo giá trị xuất khẩu bằng không; (2) những doanh nghiệp báo cáo giá trị xuất khẩu dương. Có sự chênh lệch đáng kể giữa hai nhóm doanh nghiệp này dựa trên cả ba chỉ số được so sánh. Số lao động trung bình của một doanh nghiệp không xuất khẩu và doanh nghiệp

xuất khẩu lần lượt là 17 và 401 lao động. Năng suất trung bình của một lao động trong doanh nghiệp xuất khẩu là 361 triệu đồng/lao động/năm, cao hơn 223 triệu đồng so với một lao động làm việc trong doanh nghiệp không có xuất khẩu. So sánh cũng cho thấy trang bị vốn trên mỗi lao động làm việc trong doanh nghiệp xuất khẩu cũng cao hơn 232 triệu đồng so với lao động làm việc trong doanh nghiệp không xuất khẩu. Tác giả đã tiến hành kiểm định thống kê t với những sự chênh lệch này và các kết quả kiểm định cho thấy sự khác nhau này có ý nghĩa thống kê cao.

**BẢNG 4: So sánh doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp không xuất khẩu**

Điểm so sánh	Doanh nghiệp không xuất khẩu		Doanh nghiệp xuất khẩu		Tỷ lệ doanh nghiệp xuất khẩu trong cùng quy mô % (7)
	Số doanh nghiệp	Giá trị trung bình	Số doanh nghiệp	Giá trị trung bình	
Tổng số lao động	536.575	17	13.209	401	385***
Năng suất lao động (triệu đồng/lao động/năm)	536.574	138	13.209	361	223***
Tỷ lệ vốn/lao động (triệu đồng/lao động/năm)	536.574	347	13.209	579	232***

*Nguồn:* Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.

**Định hướng xuất khẩu của doanh nghiệp**

Bảng 4 đã cho thấy có sự khác nhau rõ rệt về năng suất lao động của hai nhóm doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp không xuất khẩu. Tuy nhiên, liệu sự khác nhau này là do bản thân hai nhóm doanh nghiệp này đã có sự chênh lệch về năng suất từ trước khi doanh nghiệp bắt đầu xuất khẩu hay là do quá trình tham gia xuất khẩu đã giúp các doanh nghiệp học tập và cải thiện năng suất của mình. Tác giả đã phân tích số liệu cho giai đoạn từ 2013 đến 2017 để tìm hiểu năng suất của những doanh nghiệp mới tham gia xuất khẩu trước khi họ bắt đầu xuất khẩu.

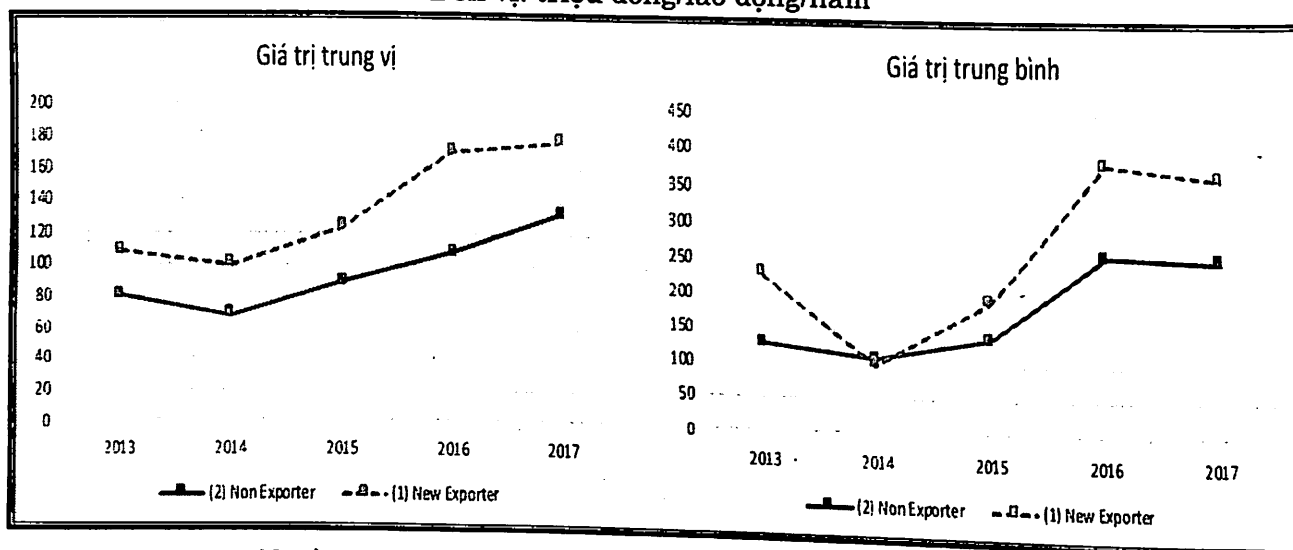
Để có thể phân tích số liệu cả trước và sau khi tham gia xuất khẩu của doanh nghiệp, mốc so sánh được đặt ra là năm 2015 với hai nhóm doanh nghiệp: (1) bắt đầu tham gia xuất khẩu năm 2015 – new exporters; (2) những doanh nghiệp không tham gia xuất khẩu – non exporters. Không chỉ có năng suất cao hơn khi bắt đầu xuất khẩu, những doanh nghiệp bắt đầu tham gia xuất khẩu (năm 2015) có năng suất lao động cao hơn những doanh nghiệp không xuất khẩu cho cả những năm trước đó (2013 và 2014) khi xét cả hai chỉ tiêu giá trị trung bình và giá trị trung vị. Điều này hàm ý rằng doanh nghiệp đã có sự định

## Tác động của xuất khẩu ...

hướng trước khi họ bắt đầu tham gia vào quá trình xuất khẩu.

**HÌNH 1: Năng suất lao động qua các năm**

Đơn vị: triệu đồng/lao động/năm



*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.*

### 4. Ảnh hưởng của xuất khẩu đến năng suất lao động trong doanh nghiệp

#### 4.1. Ghép các doanh nghiệp xuất khẩu và không xuất khẩu

Để xác định tác động của xuất khẩu đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tác giả đã thực hiện từng bước được trình bày trong phần 1b và xác định được 5,903 doanh nghiệp có những đặc điểm tương đồng nhất với 8,562 doanh nghiệp báo cáo có giá trị xuất

khẩu dương. Bảng 5 trình bày một số so sánh về đặc điểm của mẫu ghép cặp này. Các chỉ số cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm đã giảm đi đáng kể và không còn ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, sự chênh lệch về năng suất lao động lại cho thấy, nhóm doanh nghiệp không xuất khẩu có năng suất cao hơn nhóm doanh nghiệp có xuất khẩu – điều này đi ngược với xu hướng trong bảng 3 với mẫu toàn bộ doanh nghiệp.

**BẢNG 5: So sánh doanh nghiệp xuất khẩu và không xuất khẩu trong mẫu ghép cặp**

Điểm so sánh	Doanh nghiệp không xuất khẩu		Doanh nghiệp xuất khẩu		Tỷ lệ doanh nghiệp xuất khẩu trong cùng quy mô % (7)
	Số doanh nghiệp	Giá trị trung bình	Số doanh nghiệp	Giá trị trung bình	
Tổng số lao động	5.903	131	8.562	228	96
Năng suất lao động (triệu đồng/lao động/năm)	5.902	422	8.560	321	-101***
Tỷ lệ vốn/lao động (triệu đồng/lao động/năm)	5.902	519	8.560	406	-112

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp*

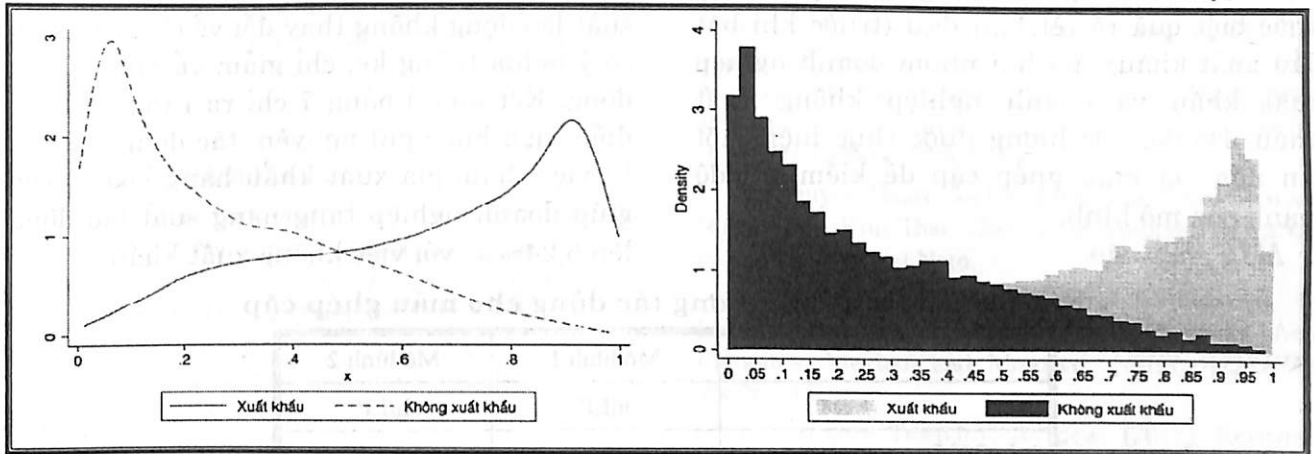
Hình 2 thể hiện kết quả phân phối xác suất của ước lượng khuynh hướng xuất khẩu cho hai nhóm doanh nghiệp. Đồ thị cho thấy, có sự chồng chéo về xác suất (common support areas) xuất khẩu giữa hai nhóm

doanh nghiệp này. Điều đó có nghĩa là với mỗi doanh nghiệp xuất khẩu đều có thể tìm thấy một doanh nghiệp không xuất khẩu có những đặc điểm tương đồng. Do đó các kết quả hồi quy sẽ loại bỏ được tính chệch của

## Tác động của xuất khẩu ...

hệ số xác định tác động của xuất khẩu lên năng suất.

HÌNH 2: Phân phối kết quả ước lượng xác suất xuất khẩu của doanh nghiệp



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.

### 4.2. Tác động của xuất khẩu

Ở phần này, mô hình được xác định với hai yếu tố tác động: trong mô hình 1, yếu tố tác động là doanh nghiệp có tham gia mua/bán với nước ngoài hay không, tức là tính đến cả hoạt động nhập khẩu của doanh nghiệp; trong mô hình 2, yếu tố tác động là doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu dương, tức là chỉ tính đến hoạt động xuất khẩu. Mô hình được ước lượng với biến phụ thuộc là log của năng suất lao động trong năm 2016.

### Toàn bộ mẫu điều tra

Ước lượng mô hình cho toàn thể mẫu điều tra cho thấy, cả hoạt động xuất nhập khẩu nói chung và hoạt động xuất khẩu nói riêng có mối quan hệ tích cực và có ý nghĩa thống kê đối với năng suất lao động của doanh nghiệp. Cụ thể, khi các điều kiện khác là không đổi, doanh nghiệp xuất khẩu có năng suất trung bình cao hơn khoảng 11% so với doanh nghiệp không xuất khẩu.

BẢNG 6: Kết quả ước lượng tác động cho toàn bộ mẫu

	Mô hình 1 lnLP	Mô hình 2 lnLP
lnLp2015	0,332*** (76,68)	0,343*** (79,00)
lnK	0,111*** (47,66)	0,114*** (48,64)
lnM	0,248*** (102,18)	0,254*** (104,62)
KtoL	0,0000224*** (18,76)	0,0000217*** (18,10)
Có hoạt động xuất khẩu	0,294*** (28,32)	
Giá trị xuất khẩu dương		0,110*** (7,81)
Hệ số cố định	0,336*** (5,54)	0,218*** (3,57)
R bình phương	0,42	0,42
Số quan sát	58.160	58.160

*t* statistics in parentheses  
\*  $p < 0,05$ , \*\*  $p < 0,01$ , \*\*\*  $p < 0,001$

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.

## Tác động của xuất khẩu ...

Tuy nhiên, kết quả ước lượng này chưa loại bỏ được những ước lượng sai chệch do sự khác biệt quá rõ rệt ban đầu (trước khi bắt đầu xuất khẩu) của hai nhóm doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp không xuất khẩu. Do đó, ước lượng được thực hiện một lần nữa với mẫu ghép cặp để kiểm tra độ mạnh của mô hình.

*Mẫu ghép cặp*

Ước lượng với mẫu ghép cặp (bảng 7) cho thấy, mối quan hệ giữa xuất khẩu và năng suất lao động không thay đổi về chiều và vẫn có ý nghĩa thống kê, chỉ giảm về mức độ tác động. Kết quả ở bảng 7 chỉ ra rằng, khi các điều kiện khác giữ nguyên, tác động học hỏi từ việc tham gia xuất khẩu hàng hóa có thể giúp doanh nghiệp tăng năng suất lao động lên 6,24% so với việc không xuất khẩu.

**BẢNG 7: Kết quả ước lượng tác động cho mẫu ghép cặp**

	Mô hình 1	Mô hình 2
	lnLP	lnLP
lnLp2015	0,421***	0,493***
	(62,57)	(64,18)
lnK	0,0670***	0,0649***
	(15,50)	(13,21)
lnM	0,278***	0,234***
	(53,36)	(38,75)
KtoL	0,0000201***	0,0000161***
	(8,33)	(5,29)
Có hoạt động xuất khẩu	0,207***	
	(12,76)	
Giá trị xuất khẩu dương		0,0624***
		(4,15)
Hệ số cố định	0,15***	0,05***
	(1,02)	(0,32)
R bình phương	0,5273	0,5913
Số quan sát	15.446	10.689

*Hệ số thống kê t ở trong ngoặc ()*  
 \* p < 0,05, \*\* p < 0,01, \*\*\* p < 0,001

*Nguồn:* Tính toán của tác giả dựa trên số liệu tổng điều tra doanh nghiệp.

### 8. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra được các đặc điểm của doanh nghiệp xuất khẩu về phân phối địa lý, loại hình sở hữu, quy mô lao động, ngành kinh doanh. Quan trọng hơn, sau khi kiểm soát cho các yếu tố trên và sử dụng phương pháp ghép cặp xác suất, kết quả nghiên cứu cho thấy, doanh nghiệp xuất khẩu có năng suất lao động cao hơn so với

doanh nghiệp không xuất khẩu. Mức năng suất cao hơn này được giải thích nhờ hai yếu tố: *thứ nhất*, là sự tự định hướng của doanh nghiệp vào thị trường xuất khẩu; *thứ hai*, là tác động học hỏi sau khi tham gia xuất khẩu. Kết quả này không chỉ thống nhất với phần lớn những bằng chứng rằng, những nền kinh tế mở sẽ phát triển nhanh hơn, mà còn có ý nghĩa quan trọng về mặt chính sách. Nếu

năng suất có liên quan với quyết định xuất khẩu, thì các chính sách làm tăng lợi ích của việc trở thành nhà xuất khẩu cũng có thể làm tăng năng suất lao động ở cấp độ doanh nghiệp./

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alvarez Roberto and Ricardo A. López. (2005), Exporting and Performance: Evidence from Chilean Plants. *Canadian Journal of Economics*. <https://doi.org/10.1111/j.0008-4085.2005.00329.x>.
2. Biesebroeck, Johannes Van. (2005), Exporting Raises Productivity in Sub-Saharan African Manufacturing Firms, *Journal of International Economics* 67 (2): 373-91. <https://doi.org/10.1016/j.jinteco.2004.12.002>.
3. Bigsten Arne and Mulu Gebreyesus. (2009), Firm Productivity and Exports: Evidence from Ethiopian Manufacturing, *Journal of Development Studies*. <https://doi.org/10.1080/00220380902953058>.
4. Clerides Sofronis K., Saul Lach and James R. Tybout. (1998), Is Learning by Exporting Important? Micro-Dynamic Evidence from Colombia, Mexico, and Morocco, *Quarterly Journal of Economics*. <https://doi.org/10.1162/003355398555784>.
5. Girma Sourafel David Greenaway and Richard Kneller. (2004), Does Exporting Increase Productivity? A Microeconomic Analysis of Matched Firms, *Review of International Economics*. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9396.2004.00486.x>.
6. Isaksson Anders. (2007), Determinants of Total Factor Productivity: A Literature Review, *UNIDO Staff Working Papers*. <https://doi.org/10.1007/s10086-010-1144-z>.
7. López Ricardo A. (2004), Self-Selection into the Export Markets: A Conscious Decision?, Department of Economics, Indiana University, 1-23.
8. Martins Pedro S., and Yong Yang. (2009), The Impact of Exporting on Firm Productivity: A Meta-Analysis of the Learning-by-Exporting Hypothesis. *Review of World Economics*. <https://doi.org/10.1007/s10290-009-0021-6>.
9. Nguyen Thang, La Hai Anh, Pham Minh Thai and Nguyen Thi Kim Thai. (2014), Determinants of Labour Productivity in Viet Nam.
10. Sofronis Clerides. (1996), Is Learning by Exporting Important? Micro-Dynamic Evidence from Colombia, Mexico, and Morocco, *NBER WORKING PAPER* 5715.
11. Wassie Tewodros Ayenew. (2018), Revisiting the Causal Effects of Exporting on Productivity: Does Price Heterogeneity Matter?, *Journal of Industry, Competition and Trade*, no. 2018012. <https://doi.org/10.1007/s10842-018-0287-2>.
12. Số liệu xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan.
13. Số liệu tổng điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê.
14. Viện Hàn lâm Khoa Học xã hội Việt Nam, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc UNDP, (2019). Báo cáo Việt Nam, (2019), năng suất và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

---

Ngày nhận bài: 19-05-2019  
Ngày duyệt đăng: 20-06-2019